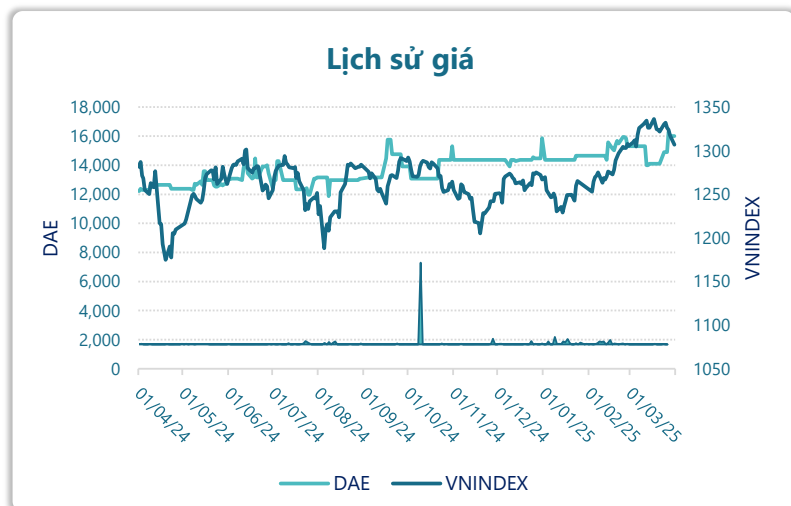


CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (HNX: DAE)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,869
SL cổ phiếu LH	1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	140
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31
P/E	8.2
EPS	1,949

DT thuần
Q1/25

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.69 | 80.2%

YoY: ▲ 9.61 | 302%

LN sau thuế
Q1/25

0.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.03 | 312%

YoY: ▲ 0.59 | 535%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

6.1%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần
2024

66.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.1 | 17.8%

LN sau thuế
2024

3.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.02 | -0.7%

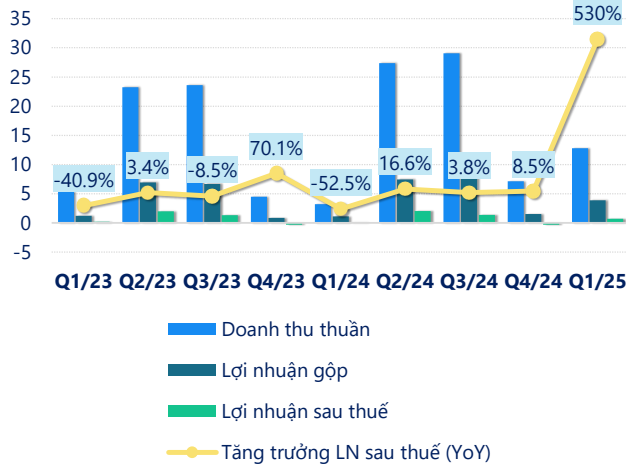
ROE
2024

7.6%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

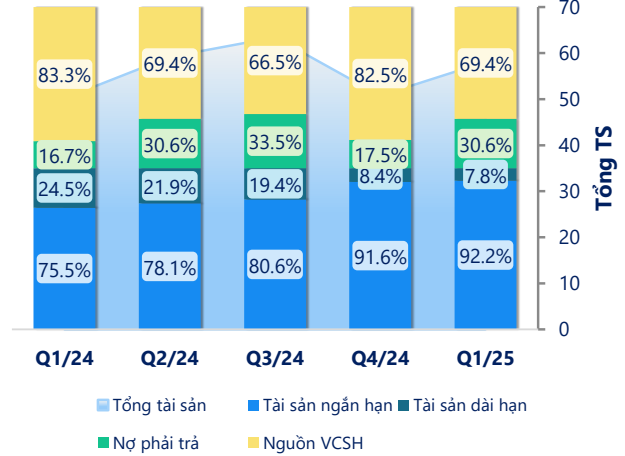
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

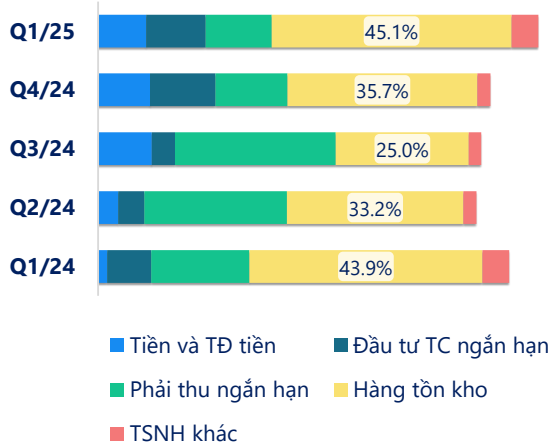
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



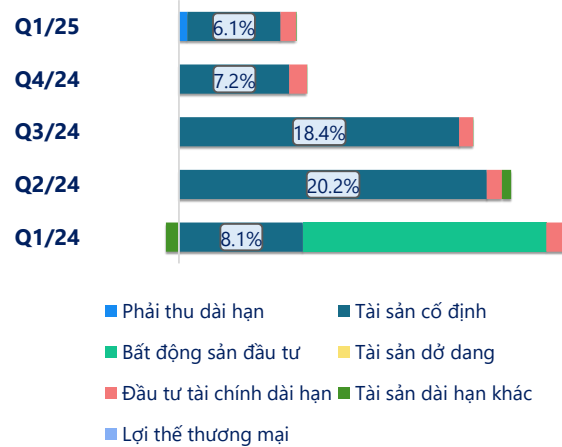
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

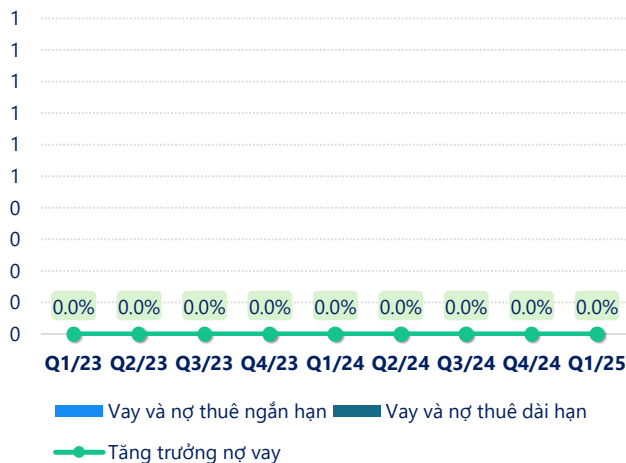
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

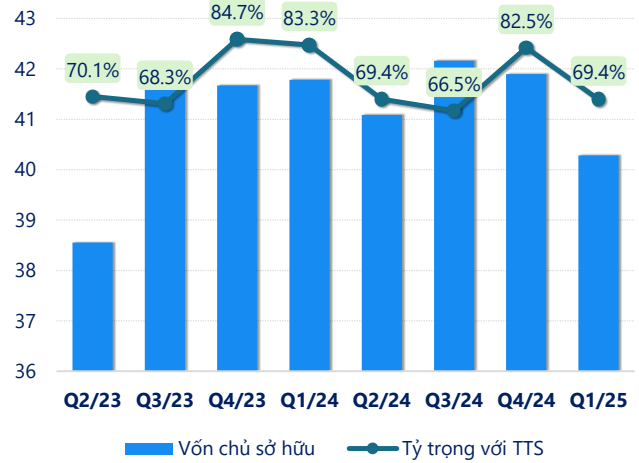
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

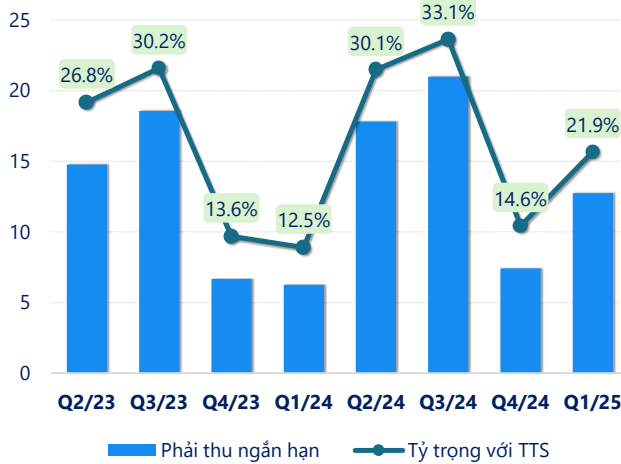
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



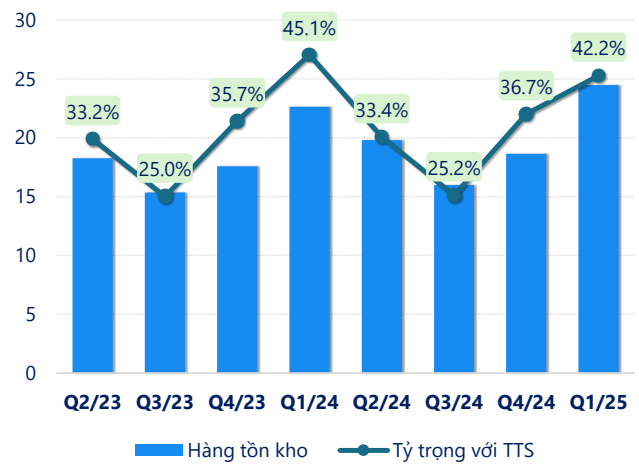
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


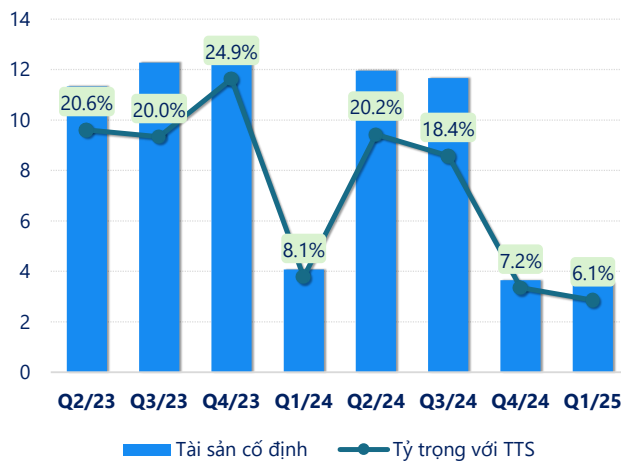
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


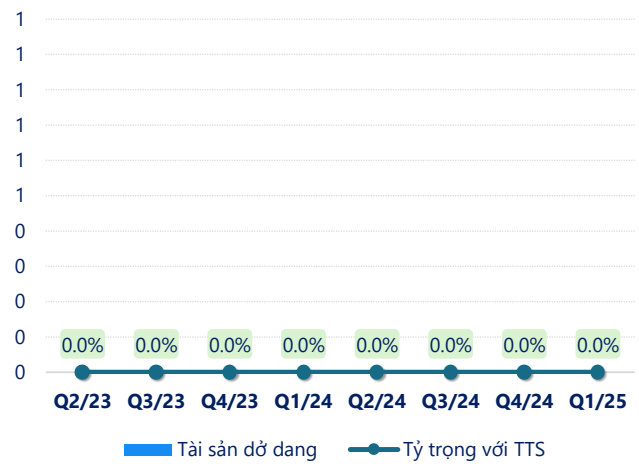
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

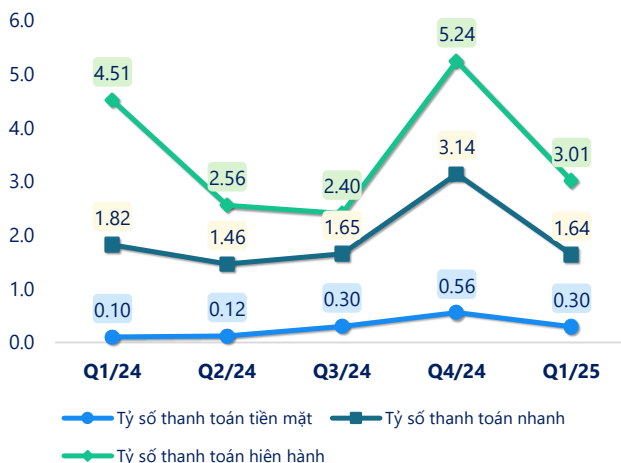
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	50.2	59.2	63.4	50.8	58.1
Tài sản ngắn hạn	37.9	46.2	51.1	46.5	53.6
Tiền và tương đương tiền	0.86	2.23	6.40	4.95	5.25
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.60	5.33	6.77	14.4	10.0
Phải thu ngắn hạn	6.25	17.8	21.0	7.41	12.7
Hàng tồn kho	22.6	19.8	16.0	18.6	24.5
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	1.08	0.98	1.04	1.06
Tài sản dài hạn	12.3	12.9	12.3	4.29	4.50
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.33
Tài sản cố định	4.07	12.0	11.7	3.65	3.56
Bất động sản đầu tư	8.04	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59
Tài sản dài hạn khác	-0.43	0.36	0.01	0.01	0.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	8.40	18.1	21.3	8.88	17.8
Nợ ngắn hạn	8.39	18.1	21.3	8.87	17.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	7.99	11.6	12.1	6.40	13.6
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	41.8	41.1	42.2	41.9	40.3
Vốn chủ sở hữu	41.8	41.1	42.2	41.9	40.3
Vốn điều lệ	19.3	19.3	19.3	19.3	19.3
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)